

Số: /BC-SNN

Cao Bằng, ngày 12 tháng 4 năm 2023

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG

Việc ban hành Nghị quyết quy định “Quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi; Chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Cao Bằng”

I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT CHĂN NUÔI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CAO BẰNG.

1. Tình hình sản xuất chăn nuôi

- Cao Bằng là một tỉnh miền núi có địa hình chia cắt mạnh, gồm các dãy núi đá vôi xem kẽ giữa các thung lũng. Chăn nuôi từ lâu cũng đã là ngành sản xuất nông nghiệp chính đem lại giá trị kinh tế cho người nông dân của Tỉnh Cao Bằng. Hầu hết các hộ dân trên địa bàn tỉnh đều có nuôi từ một đến vài loại vật nuôi, phổ biến nhất là trâu, bò, lợn, gà, vịt... Tập quán sản xuất vẫn mang tính truyền thống quy mô nhỏ lẻ, dàn trải nên hiệu quả chưa cao, kiến thức khoa học kỹ thuật của người chăn nuôi còn hạn chế, công nghệ kỹ thuật chăn nuôi tiên tiến được áp dụng nhiều trong sản xuất; năng suất, giá trị gia tăng chưa cao. Tỷ trọng chăn nuôi trong nông nghiệp chiếm tỷ lệ khoảng 29-33%. Sản phẩm chăn nuôi mới chỉ đáp ứng đủ nhu cầu tiêu dùng của tỉnh.

- Chăn nuôi ở vùng thấp đã có sự chuyển biến tích cực về phương thức, kỹ thuật chăn nuôi; Nhiều hộ chăn nuôi cũng đã mạnh dạn đầu tư, nâng quy mô đàn gia súc từ 20-50 con. Các giống mới cũng được nhập về như lợn ngoại, lợn lai, bò lai, các giống gia cầm công nghiệp cao sản, gà lai lông màu thả vườn... đã tác động làm nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả chăn nuôi. Cụ thể:

+ Đàn lợn, giai đoạn 2016-2018 (thời điểm trước khi xảy ra bệnh dịch tả lợn Châu Phi) đạt 360.607 con, tăng 11,45% so với năm 2016 (343.736 con); sản lượng thịt hơi xuất chuồng 48.657 tấn, tăng 67,07% so với năm 2015 (29.123 tấn). Từ tháng 4/2019, bệnh dịch tả lợn Châu Phi xảy ra trên địa bàn tỉnh Cao Bằng làm ảnh hưởng trực tiếp đến công tác phát triển chăn nuôi, tổng đàn lợn đến hết năm 2021, còn khoảng 306.082 con (giảm 15,12 % so với năm 2018).

+ Đàn gia cầm 2,97 triệu con, tăng 32,23% so với năm 2016 (2,24 triệu con); sản lượng thịt hơi xuất chuồng 6.532 tấn, tăng 32,66% so với năm 2016 (4.924 tấn).

+ Đàn trâu 106.079 con, tăng 1,9% so với năm 2016 (104.098 con); sản lượng thịt hơi xuất chuồng 2.255 tấn, tăng 41,56% so với năm 2016 (1.593 tấn). Mặc dù tổng đàn tăng, tuy nhiên, sản lượng thịt trâu hơi xuất chuồng tăng là do

người dân dần dần chuyển hướng sang chăn nuôi trâu lấy thịt.

+ Đàn bò 105.195 con, giảm 6,34% so với năm 2016 (112.320 con); sản lượng thịt hơi xuất chuồng 2.298,7 tấn, tăng 13,24% so với năm 2016 (2.030 tấn).

+ Giá trị sản xuất của ngành chăn nuôi trong cơ cấu ngành nông nghiệp chiếm tỷ lệ dao động từ 30-32%, và có xu hướng tăng.

- Bên cạnh những kết quả đạt được, ngành chăn nuôi của tỉnh, đang đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức, như: phương thức chăn nuôi mang tính quảng canh, năng suất thấp, giá thành sản phẩm cao, chất lượng và an toàn thực phẩm chưa ổn định, sức cạnh tranh thấp, chưa tạo được thương hiệu trên thị trường; chăn nuôi nông hộ, quy mô nhỏ lẻ, phân tán, nằm xen kẽ trong khu dân cư trên địa bàn chiếm đa số, bệnh dịch tả lợn Châu Phi vẫn diễn ra lẻ tẻ, khó không chế triệt để, bên cạnh đó, việc xuất hiện bệnh mới như Viêm da nổi cục trên đàn trâu, bò, các biến chứng của cúm gia cầm... là những thách thức lớn đối với ngành chăn nuôi của tỉnh.

- Chăn nuôi ở Cao Bằng mang tính hỗn hợp, một hộ gia đình có thể nuôi nhiều loại vật nuôi cùng lúc, do đó cũng khó xác định loại vật nuôi kinh tế chủ lực. Theo kết quả điều tra nông thôn, nông nghiệp giữa kỳ năm 2020, trên địa bàn tỉnh có 32.862 hộ nuôi trâu; 25.514 hộ nuôi bò; 42.665 hộ chăn nuôi lợn; 75.759 hộ nuôi gà; Số hộ chăn nuôi quy mô lớn chiếm tỷ lệ rất thấp. Chăn nuôi lợn từ 30-100 con có 106 hộ, trên 100 đầu lợn có 5 hộ; chăn nuôi trâu bò từ 21-50 con có 12-13 hộ... do đó chưa hình thành các trang trại chăn nuôi tập trung. Việc chăn nuôi phân tán, nhỏ lẻ, thiếu sự kiểm soát về xử lý môi trường, vệ sinh phòng bệnh là một trong những nguyên nhân chính luôn tiềm ẩn nguy cơ bùng phát dịch bệnh trên đàn vật nuôi, đặc biệt nguy cơ cao lây nhiễm các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm từ động vật sang người; việc triển khai thực hiện quy hoạch phát triển chăn nuôi tại các địa phương còn chậm.

2. Tình hình quản lý, xử lý chất thải:

Toàn tỉnh có khoảng 86.068 hộ chăn nuôi, trong đó, 32.863 hộ nuôi trâu; 25.526 hộ nuôi bò; 42.665 hộ nuôi lợn; 75.758 hộ nuôi gia cầm; trong đó có khoảng 50.730 hộ có chuồng xây kiên cố, chiếm khoảng 58,94%; có 25.780 hộ (số liệu năm 2016) nuôi gia súc dưới gầm sàn nhà, chiếm 29,95%, có khoảng 9.588 hộ chăn nuôi có chuồng tạm, chưa có chuồng nuôi nhốt hoặc thả rộng gia súc xung quanh nhà... Tuy nhiên, với chủ trương phát triển theo hướng an toàn sinh học, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, thực hiện di dời chuồng trại, đến hết năm 2020, toàn tỉnh đã thực hiện di dời được 16.942 hộ nuôi gia súc ra khỏi gầm sàn nhà ở. Hiện trên địa bàn tỉnh, đã có trên 2.000 công trình khí sinh học đang hoạt động với nhiều kiểu thiết bị khác nhau. Các chương trình, dự án triển khai trên địa bàn tỉnh (dự án Lifsap (700 hầm), Dự án Khí sinh học...). Số hộ chăn nuôi còn lại đa số sử dụng biện pháp xử lý chất thải chăn nuôi bằng hố ủ phân 1-2 ngăn. Đối với các vùng sâu, vùng xa, nhiều hộ chăn nuôi vẫn để tình trạng phân gia súc thải ra ngoài, tiềm ẩn nguy cơ ô nhiễm môi trường.

3. Công tác phòng chống dịch bệnh và chính sách hỗ trợ

3.1. Tình hình dịch bệnh:

- Từ năm 2016 – 2021, một số dịch, bệnh như: lở mồm long móng, cúm gia cầm, dịch tả lợn Châu Phi... đã xảy ra trên đàn vật nuôi gây thiệt hại lớn cho người chăn nuôi, cụ thể:

+ Bệnh LMLM xảy ra rải rác, tại các địa phương, trong đó năm 2019, có số trâu, bò mắc nhiều nhất là 1323 con, chết 25 con.

+ Bệnh Cúm gia cầm xảy ra vào năm 2016; 2017; 2018; 2019 với số con mắc tiêu huỷ 14.527 con gia cầm các loại;

+ Bệnh Dịch tả lợn châu phi xảy ra năm 2019; 2020 trên địa bàn toàn tỉnh, làm chết và buộc tiêu huỷ 119.848 con lợn, gây thiệt hại lớn cho người chăn nuôi và giảm tổng đàn.

- Nguyên nhân xảy ra dịch bệnh trên đàn vật nuôi: chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô nhỏ, phân tán, nằm trong khu dân cư còn chiếm tỷ lệ cao trên 80% số hộ chăn nuôi, trình độ, kiến thức chăn nuôi, phòng chống dịch của người dân còn rất hạn chế, chưa chủ động thực hiện tiêm phòng, vệ sinh thú y chuồng trại chăn nuôi; sản xuất con giống gia cầm tại chỗ chưa đáp ứng đủ nhu cầu sản xuất, hàng năm phải nhập từ các tỉnh vùng xuôi lên có thể nguy cơ mang theo mầm bệnh; Cao Bằng là cửa ngõ tiêu thụ các loại sản phẩm vật nuôi, con giống từ Việt Nam đi Trung Quốc và ngược lại, đồng thời cũng là địa bàn trung chuyển, vận chuyển đi các tỉnh lân cận vì vậy khó khăn lớn trong công tác kiểm dịch.

3.2. Công tác phòng, chống dịch và cơ chế chính sách hỗ trợ:

- Hàng năm, ngành nông nghiệp thực hiện tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo các địa phương thực hiện công tác tiêm phòng cho đàn vật nuôi các loại vắc xin: Vắc xin LMLM TB, Vắc xin THT TB, Vắc xin Dịch tả lợn; Vắc xin THT lợn; Vắc xin LMLM lợn; Vắc xin Đại chó; Vắc xin Cúm gia cầm; Vắc xin Tai xanh; Vắc xin Nhiệt thán...

- Ngoài số lượng vắc xin ngân sách tỉnh hỗ trợ, người chăn nuôi đã chủ động đầu tư kinh phí tiêm phòng một số loại vắc xin, như: Lép tô, Ecoli, Viêm phổi, Suyễn lợn; THT lợn, THT gà... để chủ động phòng chống dịch bệnh cho đàn vật nuôi.

- Trong 2 năm 2019-2020, để khắc phục thiệt hại do bệnh dịch tả lợn gây ra, tỉnh cũng đã ban hành chính sách hỗ trợ cho người chăn nuôi có lợn bị chết, bị tiêu huỷ với tổng kinh phí hỗ trợ 123,60 tỷ đồng.

II. KẾT QUẢ RÀ SOÁT KHU VỰC NỘI THÀNH CỦA THÀNH PHỐ, THỊ XÃ, THỊ TRẤN VÀ KHU VỰC DÂN CƯ DỰ KIẾN ĐƯA VÀO LÀ “KHU VỰC KHÔNG ĐƯỢC PHÉP CHĂN NUÔI” VÀ SỰ CẦN THIẾT PHẢI BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

- Theo kết quả tổng điều tra nông nghiệp nông thôn năm 2020, toàn tỉnh có 11.912 hộ chăn nuôi ở khu vực thành thị. Chăn nuôi càng phát triển kéo theo nó là nguy cơ ô nhiễm môi trường từ chất thải chăn nuôi càng lớn. Bên cạnh đó, một số bệnh truyền nhiễm có thể bị lây nhiễm từ động vật sang người (LMLM; Cúm gia cầm; Sảy thai truyền nhiễm; Nhiệt thán; ký sinh trùng; Uốn ván; Đại...). Chăn nuôi cũng đóng góp một phần đáng kể vào giá trị sản xuất kinh tế của ngành nông nghiệp cũng như thu nhập của một bộ phận người dân. Theo kết quả rà soát lấy ý kiến (4 lần) của các huyện thành phố, sau khi rà soát, hiện nay, có khoảng 200 hộ chăn nuôi trong khu vực nội thành của thành phố, thị trấn khu dân cư có khả năng gây ô nhiễm môi trường từ hoạt động chăn nuôi, đặc biệt là ô nhiễm về mùi, chất thải... Số lượng vật nuôi tại các khu vực này chiếm tỷ lệ thấp so với tổng đàn vật nuôi toàn tỉnh. Do đó nếu có dừng hoạt động chăn nuôi, thì cũng không ảnh hưởng lớn đến giá trị sản xuất của ngành chăn nuôi trong sản xuất nông nghiệp. Như vậy, cùng với tốc độ đô thị hoá, để đảm bảo vấn đề về mỹ quan cũng như giảm thiểu nguy cơ ô nhiễm môi trường từ chăn nuôi, sự lây lan dịch bệnh... *thì việc ban hành quy định khu vực nội thành của thành phố, thị trấn khu dân cư không được phép chăn nuôi, trừ động vật làm cảnh, nuôi động vật trong phòng thí nghiệm mà không gây ô nhiễm môi trường là cần thiết.*

- Bên cạnh đó, do đặc điểm là tỉnh nghèo, người dân chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp, trong đó, có cả hoạt động chăn nuôi để phát triển kinh tế gia đình. Việc ngừng hoạt động chăn nuôi cũng sẽ ảnh hưởng đến sinh kế của các hộ nằm trong vùng không được phép chăn nuôi. Để đảm bảo ổn định đời sống thì việc ban hành các *chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Cao Bằng* là cần thiết và phù hợp với các chủ trương, chính sách và quy định hiện hành.

III. ĐÁNH GIÁ SỰ TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH “KHU VỰC NỘI THÀNH CỦA THÀNH PHỐ, THỊ XÃ, THỊ TRẤN VÀ KHU VỰC ĐÔNG DÂN CƯ KHÔNG ĐƯỢC PHÉP CHĂN NUÔI VÀ HỖ TRỢ CÁC HỘ CHĂN NUÔI BỊ ẢNH HƯỞNG TRONG KHU VỰC KHÔNG ĐƯỢC PHÉP CHĂN NUÔI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CAO BẰNG”

3. 1. Tác động đến hệ thống pháp luật hiện hành

- Nghị quyết ban hành đáp ứng được việc triển khai hiệu quả của Luật Chăn nuôi đến với cơ sở; Đồng thời đã đưa ra các định mức hỗ trợ rõ ràng cho các đối tượng bị ảnh hưởng cũng góp phần hỗ trợ người dân có điều kiện chuyển đổi sản xuất, ổn định đời sống, các vấn đề về an sinh xã hội được đảm bảo. Việc quy định chi tiết sẽ bảo đảm tăng tính khả thi áp dụng.

- Nghị quyết được ban hành không những không làm ảnh hưởng đến hệ thống văn bản quy phạm pháp luật mà còn dần hoàn thiện hành lang pháp lý trong công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực chăn nuôi, góp phần vào việc hoàn thành thúc đẩy quá trình đô thị hoá, tiến tới hình thành và xây dựng các đô thị văn minh, hiện đại.

- Nghị quyết ban hành lấy quy mô chăn nuôi làm căn cứ đã đưa ra các định mức phù hợp. Việc quy định chi tiết sẽ bảo đảm tăng tính khả thi áp dụng, thống nhất cách hiểu về từng nội dung và hình thức hỗ trợ. Ngoài ra, trong Quyết định cũng không quy định thêm nội dung khác tại thời điểm này là phù hợp với yêu cầu thực tiễn về quản lý lĩnh vực chăn nuôi và thú y.

- Quyết định này được ban hành không những không làm ảnh hưởng đến hệ thống văn bản quy phạm pháp luật mà còn dần hoàn thiện hành lang pháp lý trong công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực nông nghiệp; đồng thời, tạo điều kiện cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân dễ dàng tiếp cận với các quy định của pháp luật một cách tập trung, thống nhất khi tham gia thực hiện chính sách.

3.2. Tác động đến nguồn lực đảm bảo thi hành

- Nguồn vốn hỗ trợ thực hiện chính sách hỗ trợ các cơ sở chăn nuôi trong khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu vực dân cư không được phép chăn nuôi khi ngừng hoặc di dời cơ sở chăn nuôi được đào tạo chuyển đổi nghề, hoặc ổn định đời sống, di dời đến địa điểm phù hợp để tái đầu tư từ nguồn ngân sách địa phương hoặc nguồn vốn từ Trung ương, vốn từ Chương trình mục tiêu Quốc gia nguồn huy động, đóng góp từ các tổ chức, cá nhân và các nguồn hợp pháp khác.

- Dự kiến tổng kinh phí thực hiện Nghị quyết là 3.723.000.000 đồng, tập trung vào các nội dung như: Hỗ trợ chi phí đào tạo chuyển đổi nghề (hình thức đào tạo không quá 3 tháng) hoặc hỗ trợ cho các hộ khi dừng hoạt động chăn nuôi mà không có nhu cầu đào tạo chuyển đổi nghề hoặc hỗ trợ di dời chuồng trại ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi.

- Nguồn kinh phí dự kiến đã xin ý kiến của Sở Tài chính và đã được Sở Tài chính cho ý kiến nhất trí tại công văn số 1815 /STC-QLNS, ngày 18/8/2022.

3.3. Tác động đến đời sống người dân

- Việc ngừng hoạt động chăn nuôi trong khu vực nội thành thuộc thành phố, thị trấn, khu dân cư sẽ góp phần giảm thiểu ô nhiễm từ hoạt động chăn nuôi (ô nhiễm tiếng ồn, ô nhiễm mùi, môi trường sống được xanh, sạch hơn; hạn chế, ngăn chặn mối nguy lây nhiễm các bệnh từ động vật sang người. Đồng thời thúc đẩy quá trình đô thị hoá từ thị trấn, thị tứ đến các khu vực trung tâm nội thành, nội thị. So sánh số hộ bị tác động gồm: Hộ không chăn nuôi nhưng bị ảnh hưởng bởi các hộ chăn nuôi khác trong khu vực sẽ có tác động nhiều hơn, do hơn 200 hộ chăn nuôi trong khu vực nội thành thuộc thành phố, thị trấn có thể tác động (ô nhiễm mùi, không khí thì chăn nuôi...) đến vài nghìn hộ khác.

- Công tác dừng hoạt động chăn nuôi trong khu vực trung tâm sẽ tạo điều kiện cho những hộ có điều kiện di dời ra các vùng được phép chăn nuôi, vùng quy hoạch phát triển chăn nuôi, từ đó, hình thành các khu vực chăn nuôi tập trung (nếu có), phù hợp với quy hoạch phát triển tổng thể của từng địa phương.

- Các chính sách hỗ trợ cho các hộ chăn nuôi nằm trong khu vực dân cư không được phép chăn nuôi cũng sẽ góp phần tạo điều kiện cho người dân có cơ hội chuyển đổi phương thức sản xuất, ổn định sinh kế, trong đó, tập trung vào các nội dung sau:

(1) Chính sách hỗ trợ chi phí đào tạo chuyển đổi nghề (hình thức đào tạo không quá 3 tháng) cho lao động của các cơ sở chăn nuôi bị ảnh hưởng (gồm hỗ trợ 03 triệu đồng/người/khoá; hỗ trợ tiền ăn 30.000 đồng/người/ngày thực học; hỗ trợ tiền đi lại cho người chăn nuôi 200.000 đồng/người/khoá nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15 km trở lên).

(2) Hỗ trợ cho các hộ khi dừng hoạt động chăn nuôi mà không có nhu cầu đào tạo chuyển đổi nghề: Giúp cho các hộ dân có một phần kinh phí (vốn) để tái đầu tư sản xuất khác thay thế hoạt động chăn nuôi. Nội dung hỗ trợ: Đối với chăn nuôi nông hộ tương đương 30 kg gạo/nhân khẩu/tháng trong thời gian 06 tháng (quy đổi thành tiền), theo giá thị trường tại thời điểm hỗ trợ, mức hỗ trợ không quá 10 triệu đồng/hộ (cơ sở).

(3) Hỗ trợ di dời chuồng trại ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi.

- Mục tiêu: Giúp các hộ chăn nuôi có kinh phí để di dời chuồng trại ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi để có thể tiếp tục tái sản xuất tại những khu vực được chăn nuôi phù hợp.

- Nội dung hỗ trợ: Chi phí tháo dỡ chuồng trại tại khu vực không được phép chăn nuôi, vận chuyển, xây dựng chuồng mới tại khu vực được phép chăn nuôi.

- Đối với chuồng kiên cố (xây toàn bộ, hoặc có một phần vách lưới B40 hoặc lưới mắt cáo bao quanh; cột bê tông cốt thép hoặc khung cột thép; nền bê tông hoặc lát vữa xi măng dày 3cm; mái lợp tôn hoặc Phibro xi măng): Hỗ trợ 70.000 đồng/m² chuồng, nhưng không quá 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) cho một hộ/cơ sở chăn nuôi.

- Đối với chuồng tạm (cột gỗ, khung gỗ; nền lát vữa xi măng hoặc lát gạch, lát gỗ; vách bằng tre, nứa, gỗ tạp; mái lợp ngói, Phibro xi măng, mái lá): Hỗ trợ 50.000 đồng/m² chuồng, nhưng không quá 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) cho một cơ sở chăn nuôi.

- Phương thức: hỗ trợ 1 lần sau khi xây xong chuồng trại tại địa điểm phù hợp.

- Hỗ trợ tái sản xuất chăn nuôi sau khi các hộ di dời chuồng trại ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi:

+ Đối với hộ/cơ sở chăn nuôi có nhu cầu tái sản xuất đáp ứng từ quy mô trang trại vừa, lớn thực hiện theo Nghị quyết số 20/2019/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh về Ban hành chính sách đặc thù hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

+ Đối với chăn nuôi nông hộ/trang trại quy mô nhỏ: Thực hiện theo khoản 1, 2, 3, 4 Điều 4 Nghị quyết số 48/2020/NQ-HĐND, ngày 16/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Ban hành quy định chính sách hỗ trợ phát triển nông lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

3.4. Công tác phòng bệnh cho đàn vật nuôi

Công tác phòng, chống dịch bệnh cho đàn vật nuôi phải thực hiện một cách tập trung, đồng bộ. Việc chăn nuôi nhỏ lẻ trong các khu vực nội thành thuộc thành phố, thị trấn, khu dân cư tiềm ẩn nhiều nguy cơ cao, phân tán, khó giám sát. Do đó, thực hiện dừng hoạt động chăn nuôi tại các khu vực trên là phù hợp với xu thế phát triển của đô thị. Công tác di dời đến các địa điểm phù hợp sẽ góp phần hỗ trợ cho công tác chủ động giám sát, phòng bệnh cho đàn vật nuôi.

Trên đây là Báo cáo đánh giá tác động của Dự thảo Nghị quyết quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu vực dân cư không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Cao Bằng./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- MTTQ tỉnh;
- Ban giám đốc Sở;
- Lưu: VT, TT&CN.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thái Hà